|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** Số: /TTr-BKHĐT **DỰ THẢO LẦN 1** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Hà Nội, ngày tháng năm 2022 |

**TỜ TRÌNH**

**Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP**

Kính trình: Chính phủ

Tại Thông báo số 295/TB-VPCP ngày 23/9/2022 của Văn phòng Chính phủ, Thường trực Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu theo hướng đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, tạo điều kiện cho hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát*.* Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với các nội dung chính như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Triển khai thực hiện nhiệm vụ được Quốc hội giao tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào đầu tư, sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Luật số 69/2014/QH13)[[1]](#footnote-1), ngày 30/01/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước*.* Nghị định này là căn cứ pháp lý quan trọng, quy định đầy đủ, chi tiết việc tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước, tạo thuận lợi cho các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, qua gần 04 năm triển khai, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đã bộc lộ một số nội dung còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, tập trung vào một số vấn đề phát sinh liên quan đến việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước, cụ thể như sau:

(i) Việc thành lập, tổ chức hoạt động và giải thể các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (liên quan đến tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc) còn kéo dài do trình tự, thủ tục phức tạp, phát sinh nhiều thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

(ii) Quy định về việc thành lập mới công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của Công ty mẹ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chưa có sự thống nhất giữa Nghị định số 10/2019/NĐ-CP và Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

(iii) Việc đầu tư bổ sung vốn của công ty mẹ 100% vốn nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật còn phức tạp. Thủ tướng Chính phủ sẽ phải xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn của công ty mẹ vào công ty con, công ty liên kết. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn, doanh nghiệp sẽ thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan về đầu tư, xây dựng để được chấp thuận chủ trương đầu tư.

(iv) Chưa có căn cứ xác định nhóm dự án, thẩm quyền quyết định đầu tư của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty đối với các lĩnh vực chưa được phân nhóm trong Luật Đầu tư công (đầu tư tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bất động sản) mặc dù dự án có tổng mức đầu tư dưới mức dự án nhóm B theo quy định tại Luật Đầu tư công (2.300 tỷ đồng).

(v) Chưa có sự thống nhất trong quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính về việc thẩm định, chấp thuận khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ của doanh nghiệp nhà nước tại Luật số 69/2014/QH13 và Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

(vi)Thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu giữa Luật số 69/2014/QH13, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP và một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành (Luật Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp) chưa thực sự thống nhất, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi triển khai.

Do đó, việc rà soát, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP là cần thiết nhằm kịp thời khắc phục những vướng mắc, hạn chế của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP như đã phân tích nêu trên; đồng thời, đảm bảo các quy định phù hợp với thực tiễn và nâng cao hiệu quả thực thi.

# II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. **Mục đích**

Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm các mục đích sau đây:

(i) Nâng cao hiệu quả thực thi Luật số 69/2014/QH13 và các quy định pháp luật về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo hướng tạo sự chủ động và nâng cao vai trò của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

(ii) Tạo thuận lợi cho DNNN trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp doanh nghiệp kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với yêu cầu của thực tiễn hoạt động. Từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN, đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô lớn do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

1. **Quan điểm xây dựng Nghị định**

Trên cơ sở các mục đích nêu trên, việc xây dựng Nghị định dựa trên các quan điểm sau:

(i) Kế thừa những quy định của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đang được thực hiện ổn định, không có vướng mắc; đồng thời, thay thế, bãi bỏ những quy định không phù hợp với thực tế trên nguyên tắc đảm bảo phù hợp với Luật số 69/2014/QH13.

(ii) Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, tạo điều kiện cho hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát.

(iii) Đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, minh bạch theo hướng phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty trong việc quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN**

1. **Phạm vi điều chỉnh**

Dự thảo Nghị định quy định việc thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

1. **Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm:

- Đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

**-** Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**-** Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

**IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 295/TB-VPCP, trên cơ sở tổ chức một số buổi làm việc với một số Tập đoàn kinh tế, tổng công ty và thực tiễn quản lý nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Tờ trình và Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015[[2]](#footnote-2).

Sau khi tổng hợp ý kiến của thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số …………./BKHĐT-PTDN ngày……/12/2022 đề nghị các cơ quan liên quan tham gia ý kiến đối với nội dung dự thảo Nghị định và Tờ trình. Đồng thời, Bộ đã đăng tải các văn bản này trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (http://www.mpi.gov.vn) và Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (http://www.business.gov.vn) để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến.

Tính đến ngày…………., Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được………ý kiến tham gia bằng văn bản của…..Bộ, cơ quan ngang Bộ, ………. địa phương và…….. Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước đối với dự thảo Nghị định.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan, Ngày …………., Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số ……../BKHĐT-PTDN gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Tờ trình và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP..

**V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Bố cục dự thảo Nghị định**

Kết cấu của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP gồm 2 Điều, cụ thể gồm:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP (liên quan đến các quy định tại các Điều 3, 11, 14, 17 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP).

- Điều 2: Hiệu lực thi hành.

**2. Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

So với nội dung quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP có một số nội dung mới như sau:

*2.1. Về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập*

Theo quy định tại khoản 11 Điều 11 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm phê duyệt chủ trương để Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, cơ quan đại diện chủ sở hữu phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp nhằm hạn chế tình trạng thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tràn lan, không hiệu quả, không kiểm soát, đồng thời thực hiện mục tiêu nâng cao cơ chế kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong giai đoạn vừa qua, để đảm bảo mục tiêu thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách về đổi mới, sắp xếp, phát triển DNNN; quản lý, sử dụng vốn nhà nước nhằm tạo khung khổ pháp lý đầy đủ, chặt chẽ, xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh và đáp ứng mục tiêu giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu; nâng cao trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp trong việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại các DNNN.

Trong quá trình hoạt động, một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty (như PVN, VNPT, EVN…) có nhu cầu thành lập các đơn vị hạch toán phụ thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện để thuận lợi trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo quy định tại Nghị định 10/2019/NĐ-CP, các Tập đoàn, Tổng công ty phải báo cáo xin chủ trương chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan. Quy trình này tốn nhiều thời gian, không tạo được tính chủ động cho doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu thực tiễn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gây lãng phí về nguồn lực (có trường hợp việc thành lập kéo dài gần 02 năm). Do đó, để trao quyền và tạo tính chủ động thực sự cho doanh nghiệp, đặc biệt đối với các Tập đoàn, Tổng công ty quy mô lớn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị các nội dung liên quan đến quản trị doanh nghiệp nên được phân cấp triệt để nâng cao tính chủ động và chịu trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Luật số 69/2014/QH13 không quy định trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đối với nội dung này, do vậy dự thảo Nghị định quy định sửa đổi khoản 11 Điều 11 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng: giao cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương để Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm cả doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Trường hợp chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp được quy định tại Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp do cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định theo thẩm quyền.

*2.2. Đối với việc thành lập mới công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của Công ty mẹ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mẹ quyết định việc thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương tại Đề án cơ cấu lại công ty mẹ. Trường hợp chưa được quy định tại Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp thì phải trình cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung Đề án.

- Tại khoản 6 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Hội đồng thành viên công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư vốn nhà nước để thành lập theo quy định của Luật số 69/2019/QH13: *“Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương thành lập mới công ty con 100% vốn của doanh nghiệp. Quyết định thành lập công ty con 100% vốn sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương”.*

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật[[3]](#footnote-3), để đảm bảo thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, dự thảo Nghị định quy định sửa đổi khoản 6 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.

*2.3. Về việc quyết định chủ trương đầu tư hoặc không đầu tư bổ sung vốn vào công ty con, công ty liên kết*

- Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13, đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; quyết định chủ trương tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của doanh nghiệp.

- Theo quy định tại khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, việc đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết được chia làm 02 trường hợp:

+ Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết; quyết định đầu tư sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương đầu tư.

+ Trường hợp việc đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết; cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

Như vậy, theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét, quyết định hai lần: lần thứ nhất là chủ trương đầu tư bổ sung vốn của Công ty mẹ vào công ty con, công ty liên kết (theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước), lần thứ hai là sau khi doanh nghiệp được đầu tư bổ sung vốn, Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư (theo quy định của pháp luật về đầu tư) khi doanh nghiệp thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Thực tế cho thấy quy trình này thường gây mất nhiều thời gian, không tạo được tính chủ động cho doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu thực tiễn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gây lãng phí về nguồn lực, tuột mất cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, Luật số 69/2014/QH13 không quy định Thủ tướng Chính phủ phải xem xét, quyết định việc đầu tư, bổ sung vốn của Công ty mẹ tại các công ty con, công ty liên kết, thẩm quyền phê duyệt vấn đề này thuộc cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trên cơ sở đó, để nâng cao trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu và giảm thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp, dự thảo Nghị định quy định sửa đổi khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng giao cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương. Thủ tướng Chính phủ chỉ xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư khi doanh nghiệp thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư.

*2.4. Về thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch công ty, Hội đồng thành viên đối với các lĩnh vực chưa được phân nhóm trong Luật Đầu tư công*

- Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Luật số 69/2014/QH13, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

- Tuy nhiên, Luật Đầu tư công không quy định phân nhóm dự án (A, B, C) đối với lĩnh vực đầu tư tài chính, các lĩnh vực kinh doanh đơn thuần vì mục tiêu kinh doanh không mang tính chất đầu tư công. Do vậy, các DNNN có chức năng đầu tư kinh doanh vốn nhà nước (như Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước) không có căn cứ xác định nhóm dự án, thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên và cơ quan đại diện chủ sở hữu khi doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực tài chính như: mua trái phiếu ngân hàng, doanh nghiệp; đầu tư trên sàn chứng khoán mặc dù dự án có tổng mức đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng (do chưa được quy định tại các nhóm ngành theo Luật Đầu tư công).

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật số 69/2014/QH13, để xử lý các vướng mắc nêu trên, dự thảo Nghị định dự kiến sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP như sau:

“d) Dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị trên mức quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, trường hợp doanh nghiệp đầu tư thực hiện các dự án trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, quỹ đầu tư, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 2.300 tỷ đồng”.

*2.5. Về trách nhiệm phê duyệt các khoản vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp*

- Theo quy đinh tại điểm e khoản 2 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp theo quy định tại các điều 23, 24, 28 và 29 của Luật này.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, doanh nghiệp nhà nước được trực tiếp vay vốn nước ngoài theo phương thức tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bên cho vay nước ngoài theo đúng các điều kiện đã cam kết trong các thỏa thuận vay.

- Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm phê duyệt chủ trương đối với khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận.

Nội dung này đã được Bộ Tài chính phản ánh vướng mắc trong thực tế do Bộ Tài chính phải thẩm định, chấp thuận chủ trương đối với tất cả các khoản vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp nhà nước. Do đó, Dự thảo Nghị định dự kiến sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 11 theo hướng như sau: *“Đối với khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ, trừ khoản vay vốn nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp. Đối với các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan”.*

*2.6. Về quy định ưu tiên pháp luật chuyên ngành*

Rà soát các quy định hiện hành cho thấy, vẫn còn các quy định chưa thống nhất về thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo Luật Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp và Luật số 69/2014/QH13.

Cụ thể, về thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ doanh nghiệp, tại khoản 2 Điều 40 Luật số 69/2014/QH13 quy định về thẩm quyền của Chính phủ: *“Ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập”.*

Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 10/2019/NĐ quy định quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu bao gồm: *“Cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành điều lệ và điều lệ sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp theo đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ”.*

Tại điểm a khoản 1 Điều 76 Luật Doanh nghiệp quy định về quyền của chủ sở hữu: *“Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty”.*

Tuy nhiên, tại điểm a khoản 2 Điều 67 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *“Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Quyết định nội dung Điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng”.*

Do vậy, dự thảo Nghị định đề xuất quy định tại dự thảo Nghị định nội dung trường hợp có sự khác nhau giữa các quy định tại dự thảo Nghị định và văn bản pháp luật chuyên ngành thì ưu tiên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

*2.7. Về việc vận dụng các quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đối với các doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, xã hội*

Trong thời gian vừa qua, một số các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội như Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị hướng dẫn và cho phép các cơ quan này được vận dụng các quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP trong việc quản lý và thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp trực thuộc quản lý. Để có cơ sở cho các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội vận dụng thực hiện trong quá thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu (là các tổ chức chính trị, xã hội) tại doanh nghiệp do các tổ chức này quyết định thành lập, khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định đối với nội dung này.

**VI. VỀ VIỆC TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

Tại các Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị định (Báo cáo số..... về việc thẩm định Dự thảo Nghị định), Bộ Tư pháp đã có ý kiến…….

Một số nội dung cơ bản đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và giải trình đối với các nội dung dự thảo Nghị định bao gồm:…..

**VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

- Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nội dung tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. Các quy định điều chỉnh bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả thực thi, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp và các tổ chức cá nhân thực hiện. Do vậy, việc đảm bảo nguồn nhân lực và tài chính để triển khai các quy định dự kiến sẽ giảm bớt so với việc triển khai các quy định pháp luật hiện hành.

- Các chính sách không phát sinh kinh phí riêng cho việc triển khai thực hiện. Kinh phí để tổ chức thi hành chính sách nằm trong kinh phí chung tổ chức thi hành Nghị định bao gồm: i) Kinh phí xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định; ii) kinh phí tổ chức phổ biến Nghị định; iii) Kinh phí tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị định.

Kinh phí phát sinh bảo đảm tổ chức thi hành Nghị định sau khi ban hành được dự toán và chủ yếu lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý.

Trên đây là Tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. Kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Viện NCQLKTTW;  - Vụ PC;  - Lưu VT, PTDN. | **BỘ TRƯỞNG**    **Nguyễn Chí Dũng** |

1. Khoản 4 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13 quy định: *Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu.* [↑](#footnote-ref-1)
2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 1812/QĐ-BKHĐT ngày 07/11/2022 về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước [↑](#footnote-ref-2)
3. Cụ thể: Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau. [↑](#footnote-ref-3)